TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 94 /2022/QĐST-HNGĐ	*Ba Tri, ngày 29 tháng 03 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Phúc

2. Bà Hà Kim Dung

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ hồ sơ vụ án về hôn nhân gia đình thụ lý số: 484/2021/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2021 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"*.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn T. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 02/06/2003 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể

từ ngày Tòa án ban hành Quyết định này.

2.2 Về con chung: chị T và anh T có với nhau 5 con chung gồm: Nguyễn Thị Ngọc P , sinh ngày 21/02/2000; Nguyễn Ngọc N , sinh ngày 01/3/2003; Nguyễn Thị Anh T , sinh ngày 22/05/2006; Nguyễn Thanh T , sinh ngày 25/07/2009; Nguyễn Chí K , sinh ngày 09/11/2020. Cháu Ngọc P , Ngọc N đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Chị Trần Thị T có quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Anh T , sinh ngày 22/05/2006, Nguyễn Thanh T , sinh ngày 25/7/2009, Nguyễn Chí K , sinh ngày 09/11/2020. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

2.4 Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

2.5 Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T tự nguyện nộp toàn bộ và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003591 ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Mộng Tuyền